SAO Y
Hội đồng Nhân dân tỉnh
Thời gian ký: 16/12/2021 14:21:15 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23 /2021/NQ-HĐND	*Bến Tre, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bến Tre

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 7530/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục công lập, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Bến Tre

được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, hội thi, cuộc thi theo quy định.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung chi, mức chi

1. Nội dung chi, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi: Tốt nghiệp trung học phổ thông; Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông; Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, Thi thành lập đội tuyển dự thi cấp quốc gia; Bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia; coi thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông; Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi cấp tỉnh; Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh *(chi tiết theo phụ lục kèm theo Nghị quyết này)*.

2. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo ở cấp tỉnh: mức chi bằng 60% mức chi tương ứng cho từng nội dung chi của thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông không chuyên được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với các cuộc thi, hội thi cấp huyện: mức chi bằng 70% mức chi tương ứng cho từng nội dung chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này; đối với các cuộc thi, hội thi ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, mức chi bằng 50% mức chi tương ứng cho từng nội dung chi của thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông không chuyên được quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với các cuộc thi, hội thi cấp trường: mức chi bằng 45% mức chi tương ứng cho từng nội dung chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này; đối với các cuộc thi, hội thi ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, mức chi bằng 40% mức chi tương ứng cho từng nội dung chi của thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông không chuyên được quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ngành: TC, TP, GD&ĐT, KBNN tỉnh;
- Văn phòng: ĐĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH Bến Tre;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

Phụ lục

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Nghị quyết số 23 /2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi								
			Thi tốt nghiệp THPT quốc gia	Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông		Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, Thi thành lập đội tuyển dự thi cấp quốc gia		Bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia	Coi thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông	Hội thi giáo viên dạy giỏi, Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi cấp tỉnh	Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh
				Chuyên	Không chuyên	Lớp 9 THCS	Lớp 12 THPT				
I	**Chi xây dựng đề thi**										
1	Chi soạn thảo câu hỏi										
1.1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	đồng/câu		70.000	65.000	65.000	70.000				
1.2	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	đồng/câu		60.000	55.000	55.000	60.000				
1.3	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa (được quản lý trên phần mềm máy tính)	đồng/câu		10.000	10.000	10.000	10.000				
2	Ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận	đồng/đề		550.000	480.000						
3	Ra đề chính thức và đề dự bị đề tự luận, đề trắc nghiệm	đồng/người/ngày		550.000	480.000	580.000	700.000				
II	**Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chỉ đạo; Hội đồng thi; Hội đồng/Ban ra đề, sao in đề, coi thi, chấm thi, phúc khảo; Ban thư ký, Ban làm phách, Ban vận chuyển, Ban Tổ chức hội thi, cuộc thi**										
1	**Ban chỉ đạo**										
1.1	Trưởng ban	đồng/người/ngày	420.000								
1.2	Phó trưởng ban	đồng/người/ngày	360.000								
1.3	Ủy viên, thư ký	đồng/người/ngày	300.000								

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thi tốt nghiệp THPT quốc gia	Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông		Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, Thi thành lập đội tuyển dự thi cấp quốc gia		Bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia	Coi thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông	Hội thi giáo viên dạy giỏi, Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi cấp tỉnh	Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh
				Chuyên	Không chuyên	Lớp 9 THCS	Lớp 12 THPT				
2	**Hội đồng thi**										
2.1	Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ngày	400.000								
2.2	Phó Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ngày	360.000								
2.3	Ủy viên	đồng/người/ngày	320.000								
3	**Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, Ban thư ký, Ban làm phách, Ban vận chuyển, Ban Tổ chức hội thi, cuộc thi**										
3.1	Trưởng ban/Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ngày	360.000	300.000	300.000	350.000	350.000			300.000	250.000
3.2	Phó trưởng ban/Phó Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ngày	330.000	250.000	250.000	300.000	300.000			250.000	200.000
3.3	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	đồng/người/ngày	310.000	220.000	220.000	250.000	250.000			220.000	180.000
3.4	Công an vòng trong	đồng/người/ngày	300.000	220.000	220.000						
3.5	Công an vòng ngoài	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000						
3.6	Y tế	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000						
3.7	Bảo vệ, phục vụ	đồng/người/ngày	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000			150.000	150.000
4	**Hội đồng/Ban coi thi**										
4.1	Trưởng ban/Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ngày	360.000	260.000	260.000	260.000	260.000		340.000		
4.2	Phó trưởng ban/Phó Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ngày	320.000	240.000	240.000	240.000	240.000		320.000		
4.3	Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi/giám thị	đồng/người/ngày	270.000	210.000	210.000	210.000	210.000		270.000		
4.4	Trưởng điểm	đồng/người/ngày	320.000								
4.5	Phó trưởng điểm	đồng/người/ngày	300.000								
4.6	Công an	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000		200.000		
4.7	Y tế	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000		200.000		
4.8	Trật tự viên, Bảo vệ, phục vụ	đồng/người/ngày	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000		150.000		
5	**Tiền công chấm thi**										

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thi tốt nghiệp THPT quốc gia	Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông		Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, Thi thành lập đội tuyển dự thi cấp quốc gia		Bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia	Coi thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông	Hội thi giáo viên dạy giỏi, Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi cấp tỉnh	Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh
				Chuyên	Không chuyên	Lớp 9 THCS	Lớp 12 THPT				
5.1	Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành	đồng/người/ngày	270.000	250.000	245.000	275.000	280.000				
5.2	Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm trên máy (tính theo thời gian hoàn thành công việc)	đồng/người/ngày	450.000								
5.3	Chấm thi (Dự giờ, đánh giá tiết dạy, chấm biện pháp chất lượng giáo dục,...)	đồng/giám khảo/người dự thi								250.000	
5.4	Chấm thi vòng sơ khảo cuộc thi Khoa học kỹ thuật	đồng/giám khảo/dự án									140.000
5.5	Chấm thi vòng chung khảo cuộc thi Khoa học kỹ thuật	đồng/giám khảo/dự án									150.000
6	**Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng chấm thi/Ban chấm thi/Ban giám khảo chấm thi hội thi, cuộc thi**										
6.1	Trưởng ban/Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ngày	360.000	300.000	300.000	300.000	300.000				250.000
6.2	Phó trưởng ban/Phó Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ngày	320.000	250.000	250.000	250.000	250.000				200.000
6.3	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	đồng/người/ngày	270.000	220.000	220.000	220.000	220.000				180.000
6.4	Công an	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000				
6.5	Y tế	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000				
6.6	Bảo vệ, phục vụ	đồng/người/ngày	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000				150.000
7	**Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban Phúc khảo bài thi**										
7.1	Trưởng ban/Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ngày	360.000	300.000	300.000	300.000	300.000				
7.2	Phó trưởng ban/Phó Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/ngày	320.000	250.000	250.000	250.000	250.000				
7.3	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	đồng/người/ngày	270.000	220.000	220.000	220.000	220.000				
7.4	Công an	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000				

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thi tốt nghiệp THPT quốc gia	Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông		Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, Thi thành lập đội tuyển dự thi cấp quốc gia		Bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia	Coi thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông	Hội thi giáo viên dạy giỏi, Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi cấp tỉnh	Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh
				Chuyên	Không chuyên	Lớp 9 THCS	Lớp 12 THPT				
7.5	Y tế	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000				
7.6	Bảo vệ, phục vụ	đồng/người/ngày	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000				
7.7	Chi cho cán bộ chấm phúc khảo	đồng/người/ngày	210.000	210.000	210.000	220.000	220.000				
8	**Các nhiệm vụ khác có liên quan** (Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Đoàn thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi)										
8.1	Trưởng đoàn thanh tra	đồng/người/ngày	350.000	300.000	300.000	300.000	300.000				
8.2	Phó Trưởng đoàn thanh tra	đồng/người/ngày	300.000	250.000	250.000	250.000	250.000				
8.3	Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng các tổ thanh tra	đồng/người/đợt	270.000	220.000	220.000	220.000	220.000				
8.4	Thanh tra viên	đồng/người/ngày	270.000	220.000	220.000	220.000	220.000				
III	**Công tác bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi**										
1	Chi xây dựng đề cương chi tiết cho chương trình bồi dưỡng	đồng/môn						1.650.000			
2	Chi tiền công phụ trách lớp bồi dưỡng	đồng/người/ngày						100.000			
3	Chi biên soạn và giảng dạy lý thuyết	đồng/tiết						260.000			
4	Chi biên soạn và giảng dạy thực hành	đồng/tiết						360.000			
5	Chi trợ lý thí nghiệm, thực hành	đồng/tiết						120.000			